



THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 137 /BC-UBND ngày 10/4/2026 của UBND phường)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			THỰC HIỆN QUÝ I			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	167.782.000.000	33.017.000.000	134.765.000.000	48.703.043.668	14.292.682.480	34.410.361.188	29	43	26
1	Chi dân quân tự vệ	2.394.000.000		2.394.000.000	709.364.060		709.364.060	30		30
2	Chi an ninh trật tự	1.523.000.000		1.523.000.000	277.888.000		277.888.000			
3	Chi khoa học công nghệ	390.000.000		390.000.000	46.656.000		46.656.000	12		12
4	Sự nghiệp giáo dục	74.240.000.000	10.000.000.000	64.240.000.000	15.230.859.911	3.217.311.000	12.013.548.911	21		19
5	Sự nghiệp y tế	3.052.000.000		3.052.000.000	553.563.303		553.563.303	18		18
6	Chi văn hóa, thông tin	1.538.000.000		1.538.000.000	1.711.734.960	1.501.932.900	209.802.060	111		14
7	Chi thể dục thể thao	355.000.000		355.000.000	0			0		0
8	Chi phát thanh, truyền thanh	300.000.000		300.000.000	0			0		0
9	Chi bảo vệ môi trường	6.004.000.000		6.004.000.000	0			0		0
10	Chi các hoạt động kinh tế	15.984.000.000	10.000.000.000	5.984.000.000	6.559.405.400	6.531.406.400	27.999.000	41		0
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	37.369.000.000	13.017.000.000	24.352.000.000	16.654.964.394	3.042.032.180	13.612.932.214	45		56
12	Chi cho công tác xã hội	20.689.000.000		20.689.000.000	6.958.607.640		6.958.607.640	34		34
13	Chi khác ngân sách	654.000.000		654.000.000	0			0		0
14	Tiết kiệm chi	-			0					
15	Dự phòng ngân sách	3.290.000.000		3.290.000.000	0					